

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 255/2024/DS-PT

Ngày 30/9/2024

V/v tranh chấp chi trả tiền hỗ trợ
thu hồi đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng;

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trâm Thị Phương Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23, 28 và 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024, về tranh chấp chi trả tiền hỗ trợ thu hồi đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2024/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 199/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thanh Th;

Địa chỉ: Số 13, đường V, khóm X, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bạch Sỹ Ch, Luật sư của Văn phòng Luật sư B, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: Số 181/9, đường N, khóm B, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S;

Địa chỉ: Số 18, đường H, Phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S: Ông Phạm Kiến Q; chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: Số 18, đường H, Phường S, thành

phố S, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo pháp luật của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S: Ông Võ Hoàng A, Luật sư của Văn phòng Luật sư V, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: Số 986, đường V, khóm B, Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Công ty Cổ phần thực phẩm K;

Địa chỉ: Lô B, Khu công nghiệp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lâm Văn T;

Địa chỉ: Ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Lâm Văn T: Ông Triệu Đăng K; địa chỉ: Số 1/75, ấp V, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; là người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Văn T (văn bản ủy quyền ngày 27/8/2024). (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thanh Th trình bày:

Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 02, diện tích 50.646,9m², mục đích sử dụng: Đất làm muối, tọa lạc ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng do bà trực tiếp ký Hợp đồng hợp tác sử dụng đất chuyên dùng số 34/HTX ngày 01/12/1995 với Hợp tác xã (HTX) Muối - Tôm - L, V (nay là HTX Muối - Tôm - Artemia V, thị xã V). Hợp đồng hợp tác này cũng đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện V phê duyệt ngày 19/3/1996. Sau khi ký hợp đồng hợp tác, bà trực tiếp quản lý, cải tạo mặt bằng, xây dựng bờ bao, vuông ao, thủy lợi, các hệ thống, công trình trên đất...để sản xuất đến năm 2000, chồng bà chuyển công tác về thành phố S. Vì vậy, bà cho người con riêng của chồng là ông Lâm Văn T mượn diện tích đất thuê này canh tác để giữ đất thuê, đồng thời hàng năm bà vẫn về kiểm tra việc sử dụng đất và đóng tiền khoán cho HTX. Qua kiểm tra phát hiện năm 2008, HTX tự ý ký hợp đồng cho con riêng của chồng bà thuê lại. Bà khiếu nại đến HTX sau khi hết hợp đồng 01 năm thì giao lại cho bà tiếp tục thực hiện hợp đồng số 34/HTX ngày 01/12/1995. Đến năm 2014, bà trở về V để nhận lại diện tích đất thuê theo Hợp đồng số 34/HTX ngày 01/12/1995 thì ông T không chịu giao trả lại, từ đó xảy ra tranh chấp giữa bà với HTX và ông T.

Trong quá trình vụ việc tranh chấp đòi lại quyền thuê diện tích đất chuyên dùng theo “Hợp đồng hợp tác thuê đất chuyên dùng” thì vào ngày 25/8/2021, Công ty Cổ phần thực phẩm K được UBND tỉnh S ban hành Quyết định số 2177/QĐ-UBND về việc chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư cho Dự án nuôi tôm sạch, vi sinh nhiều giai đoạn công nghệ cao phục vụ xuất khẩu tại V, tỉnh Sóc Trăng.

Đến ngày 05/11/2021, Công ty Cổ phần thực phẩm K ký kết hợp đồng kinh tế với Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S về việc tổ chức thực hiện Phương án hỗ trợ các xã viên HTX Muối - Tôm - Artemia V để thực hiện Dự án, với mức hỗ trợ là 600.000.000 đồng/ha đất chuyên dùng, đồng thời Công ty Cổ phần thực phẩm K đã chuyển toàn bộ số tiền hỗ trợ cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S để Trung tâm cấp phát tiền hỗ trợ cho xã viên có đất chuyên dùng theo hợp đồng thuê đất chuyên dùng mà HTX đã ký với xã viên năm 1995.

Tại Bản án phúc thẩm số 49/2023/DS-PT ngày 10/3/2023 của Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: “Công nhận quyền thuê đất chuyên dùng, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V theo Hợp đồng hợp tác sử dụng đất chuyên dùng số 34/HTX/96 ngày 01/12/1995 vẫn thuộc về nguyên đơn là bà Huỳnh Thanh Th. Mọi quyền lợi phát sinh từ hợp đồng này thuộc về nguyên đơn là bà Huỳnh Thanh Th”. Sau khi bản án phúc thẩm của TAND tỉnh Sóc Trăng có hiệu lực, bà đã nhiều lần liên hệ trực tiếp với Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S và Công ty Cổ phần thực phẩm K để yêu cầu được nhận lại số tiền mà Công ty đã hỗ trợ cho phần diện tích thu hồi 50.646,9m², với số tiền 3.038.814.000 đồng, nhưng các bên cứ hứa hẹn mà không giải quyết.

Tại buổi làm việc giữa các bên liên quan vào ngày 07/6/2023 tại trụ sở UBND xã V, bà mới biết được Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S đã tự ý phát toàn bộ số tiền hỗ trợ phần diện tích đất thuê theo “Hợp đồng hợp tác sử dụng đất chuyên dùng” số 34/HTX ngày 01/12/1995 với HTX Muối - Tôm - L, V cho ông T vào ngày 31/5/2022 là vi phạm nghiêm trọng pháp luật, vì phần đất thuê này đang xảy ra tranh chấp và Tòa án đang thụ lý giải quyết. Mặt khác, bà cũng đã có ngăn cản không được phát số tiền này cho ông T.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S và Công ty Cổ phần thực phẩm K cùng liên đới chịu trách nhiệm chi trả cho bà số tiền hỗ trợ khi thu hồi 50.646,9m² đất chuyên dùng của bà theo Hợp đồng hợp tác sử dụng đất chuyên dùng số 34/HTX ngày 01/12/1995, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V, với số tiền 3.038.814.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S là ông Phạm Kiến Q trình bày:

Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S có ký hợp đồng với Công ty Cổ phần thực phẩm K để thực hiện phương án hỗ trợ cho các hộ dân có diện tích đất bị thu hồi. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S đã tiến hành đo đạc, kiểm đếm và thực hiện chi trả xong cho các hộ dân có đất bị thu hồi. Theo hồ sơ xã viên do HTX cung cấp và hồ sơ pháp lý thể hiện phần đất do ông Lâm Văn T nhận khoán của HTX và trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1997, có xác nhận của UBND xã V nên không đủ cơ sở để chi trả tiền cho bà Th.

Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S đã chi trả cho ông T số tiền tổng cộng 4.160.405.089 đồng (trong đó có số tiền 3.038.814.000 đồng hiện bà Th đang khởi kiện yêu cầu). Khi chi trả tiền cho ông T, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh

S có biết phần đất này đang tranh chấp, TAND thị xã Vĩnh Châu đang thụ lý, giải quyết, nhưng qua xác minh thì có đủ căn cứ xác định hộ ông T là người sử dụng đất nên mới chi trả tiền cho ông T.

Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Sóc T không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th, đồng thời cũng không có yêu cầu gì đối với ông T. Trường hợp có quyết định giải quyết cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền thì ông T thực hiện theo nội dung ông đã cam kết ngày 31/5/2022 đối với số tiền mà ông đã nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty Cổ phần thực phẩm K trình bày:

Khi Công ty Cổ phần thực phẩm K (gọi tắt Công ty K) nhận được Quyết định số 2177/QĐ-UBND ký ngày 25/08/2021 của UBND tỉnh S, về việc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp nhận nhà đầu tư cho Dự án nuôi tôm sạch, vi sinh, nhiều giai đoạn, công nghệ cao xuất khẩu tại V, Sóc Trăng, địa chỉ thực hiện dự án là Ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng thì Công ty K đã tiến hành ký Hợp đồng số 11/HĐKT ngày 05/11/2021 với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh S, với nội dung công việc là Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S thực hiện các công việc cho Công ty K như: Đo vẽ thành lập bản đồ phục vụ thu hồi đất HTX Muối - Tôm - Artemia ấp N, xã V, thị xã V để thực hiện Dự án nuôi tôm sạch, vi sinh, nhiều giai đoạn, công nghệ cao xuất khẩu tại V, Sóc Trăng của Công ty K; thực hiện công tác kiểm đếm tài sản trên đất, áp giá chi tiết hỗ trợ, tổ chức niêm yết công khai lấy ý kiến xã viên HTX về kết quả đo đạc, tài sản bị thiệt hại và kinh phí được hỗ trợ; đối thoại ý kiến thắc mắc, khiếu nại của xã viên HTX về diện tích, tài sản trên đất và kinh phí hỗ trợ; thực hiện việc chi trả tiền hỗ trợ cho các xã viên HTX; phối hợp các cơ quan có liên quan bàn giao mặt bằng cho bên Công ty K (đảm bảo đủ điều kiện giao đất hoặc cho thuê đất).

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng giữa 02 bên, đến ngày 27/01/2023, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S chi tiền hỗ trợ cho các hộ dân thì có phát sinh sự việc tranh chấp, thưa kiện giữa bà Huỳnh Thanh Th và HTX Muối - Tôm - Artemia và phần diện tích tranh chấp này nằm trong phần diện tích của Dự án đã được UBND tỉnh S ra quyết định chấp thuận. Do có sự tranh chấp nên Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S đã tạm không chi tiền hỗ trợ các xã viên cho ông Lâm Văn T (người đang canh tác trên phần diện tích tranh chấp), 29 hộ khác thì Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S đã chi tiền đầy đủ vào ngày 27/01/2022.

Đến ngày 28/01/2022, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S bàn giao cọc và ranh giới khu đất đã giải phóng mặt bằng cho Công ty K.

Đến tháng 5/2022, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S đã chi cho ông T số tiền hỗ trợ, Công ty K không có ý kiến gì, vì đã ký hợp đồng với Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S và Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S thực hiện công việc theo nội dung hợp đồng đã ký và sẽ chịu trách nhiệm với nội dung công

việc thực hiện.

Đến ngày 05/7/2022, Công ty K và Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S đã làm Biên bản nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng số 11/HĐKT.

Như vậy, việc chi tiền hỗ trợ cho các hộ dân trực tiếp sản xuất trên diện tích nằm trong Dự án nuôi tôm của Công ty K được UBND tỉnh S ra quyết định chấp thuận do Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S thực hiện và việc xác minh danh sách cần chi hỗ trợ cho các hộ dân thuộc HTX do Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S làm việc với các hộ dân là xã viên, đại diện HTX, UBND xã V. Công ty K không tham gia bất kỳ công việc nào trong quá trình xác minh các hộ dân nào được chi tiền hỗ trợ tái sản xuất theo quy định. Công ty K dựa vào phương án hỗ trợ và đề nghị của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S và chuyển tổng số tiền chi hỗ trợ người dân theo danh sách của Trung tâm Phát triển Quỹ đất lập ra và Trung tâm Phát triển Quỹ đất cũng tự chi tiền cho các hộ dân. Việc chi tiền hỗ trợ sai đối tượng (nếu có) thì Trung tâm Phát triển Quỹ đất sẽ chịu trách nhiệm với công việc của mình thực hiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn T trình bày:

Ông được Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S chi trả số tiền tổng cộng là 4.160.405.089 đồng. Ông là người trực tiếp định cư và canh tác trên phần đất đã bị thu hồi từ năm 1997 đến năm 2021 thì ông giao trả đất cho Nhà nước. Ông đã nhận tiền hỗ trợ từ Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S. Số tiền 4.160.405.089 đồng gia đình ông đã chi hết gồm: Mua đất, cất nhà ở, trả nợ nuôi tôm do thua lỗ, đầu tư nuôi tôm ao bạc, chưa thu hồi vốn được.

Tại Bản án số 83/2024/DS-ST ngày 14/6/2024, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 280 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thanh Th. Buộc Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S trả cho bà Huỳnh Thanh Th số tiền 3.038.814.000 đồng hỗ trợ khi thu hồi diện tích 50.646,9m² đất chuyên dùng của bà Huỳnh Thanh Th theo Hợp đồng hợp tác sử dụng đất chuyên dùng số 34/HTX, ngày 01/12/1995, tọa lạc ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành

án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thanh Th, về việc yêu cầu Công ty Cổ phần thực phẩm K liên đới chi trả tiền hỗ trợ cho bà Th.

Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 27/6/2024, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết hủy bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Công ty Cổ phần thực phẩm K vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bà Th không rút đơn khởi kiện; người đại diện hợp pháp của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S không rút kháng cáo và xin thay đổi kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th; đồng thời các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S cho rằng: Số tiền 3.038.814.000 đồng là tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Ông T là xã viên HTX, đang trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất 50.646,9m² và có nguồn thu nhập ổn định trên đất nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, Điều 3 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 và điểm e khoản 3 Điều 4 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S chi trả số tiền này cho ông T là đúng đối tượng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo của Trung tâm, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th cho rằng: Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th là có căn cứ pháp lý, cụ thể theo Bản án số 49/2023/DS-PT ngày 10/3/2023 của TAND tỉnh Sóc Trăng đã xử công nhận quyền thuê đất chuyên dùng theo Hợp đồng số 34/HTX/96 ngày 01/12/1995 vẫn thuộc về bà Th và mọi quyền lợi phát sinh từ hợp đồng này thuộc về bà, căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là tình tiết không phải chứng minh. Khi Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S đo đạc, kiểm đếm để áp giá bồi thường, bà Th biết được nên trực tiếp đến thông báo cho Đoàn gồm Trung tâm Phát triển Quỹ đất, Công ty Cổ phần thực phẩm K, UBND xã V để thông báo

quyền sử dụng đất đang có tranh chấp với ông T. Ngày 27/01/2022, bà Th đến địa điểm chi tiền hỗ trợ thông báo là bà đang có tranh chấp với ông T về diện tích đất thuê 50.646,9m², đề nghị không chi tiền hỗ trợ cho ông T, sau đó các bên thống nhất không chi tiền cho ông T chờ kết quả giải quyết của Tòa án. Tuy nhiên, sau đó Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S lại tự ý chi trả tiền cho ông T khi chưa có kết quả giải quyết của Tòa án là không đúng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật đất đai năm 2013 (Điều 188) nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Đối với những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án, kháng cáo của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn Công ty Cổ phần thực phẩm K: Công ty đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S thay đổi kháng cáo, không yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, mà yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th. Việc thay đổi kháng cáo này không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xem xét.

[4] Xét kháng cáo của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S, Hội đồng xét xử nhận thấy, trong giai đoạn phúc thẩm, Trung tâm có cung cấp bổ sung một số tài liệu, chứng cứ mới thể hiện:

[5] Diện tích đất 50.646,9m², loại đất làm muối, tại thửa số 01, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng là đất của Nhà nước, được

UBND tỉnh S giao cho HTX sản xuất và dịch vụ muối, tôm, artemia V để sử dụng vào mục đích sản xuất và không phải nộp tiền sử dụng đất.

[6] Ngày 25/8/2021, UBND tỉnh S ban hành Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 2177/QĐ-UBND đối với Công ty Cổ phần thực phẩm K, đầu tư dự án nuôi tôm sạch, vi sinh, nhiều giai đoạn, công nghệ cao xuất khẩu tại V, Sóc Trăng; địa điểm thực hiện dự án là ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Đến ngày 05/11/2021, Công ty K ký Hợp đồng kinh tế số 11/HĐKT với Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S về việc thực hiện phương án hỗ trợ xã viên đang canh tác đất tại HTX muối, tôm, artemia V để di dời tài sản nhà ở bàn giao lại đất thực hiện dự án. Quá trình kiểm kê tài sản bị thiệt hại khi thu hồi đất thực hiện dự án thì có phần diện tích đất 50.646,9m² nêu trên và tài sản trên đất do hộ gia đình ông Lâm Văn T đang trực tiếp quản lý, canh tác.

[7] Theo Bảng kê chi tiết phương án hỗ trợ của hộ gia đình - cá nhân dự án nuôi tôm sạch, vi sinh, nhiều giai đoạn, công nghệ cao sản xuất tại V, Sóc Trăng do Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S lập, hộ gia đình ông T được hỗ trợ các khoản gồm hỗ trợ công trình có trên đất 498.096.729 đồng, cây trồng trên đất 6.800.000 đồng, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đối với diện tích đất 50.646,9m² x 40.000 đồng/m² x 1,5 lần (tương đương 60.000 đồng/m²) với số tiền 3.038.814.000 đồng.

[8] Bà Th cho rằng diện tích đất 50.646,9m² nêu trên là bà trực tiếp ký hợp đồng hợp tác sử dụng đất chuyên dùng với HTX muối, tôm L, V vào ngày 01/12/1995, được UBND huyện (nay là thị xã) V phê duyệt ngày 19/3/1996, bà cải tạo, xây dựng, sản xuất đến năm 2000 thì cho ông T (con riêng của chồng bà) mượn canh tác để giữ đất thuê, sau đó ông T không trả lại và tại Bản án số 49/2023/DS-PT ngày 10/3/2023 của TAND tỉnh Sóc Trăng (gọi tắt là Bản án số 49) đã xử công nhận quyền thuê đất chuyên dùng theo Hợp đồng số 34/HTX/96 ngày 01/12/1995 vẫn thuộc về bà và mọi quyền lợi phát sinh từ hợp đồng này thuộc về bà, việc Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S và Công ty K chi trả tiền hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi với số tiền 3.038.814.000 đồng cho ông T là không đúng nên bà yêu cầu phải trả lại cho bà số tiền này. Đối với Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S thì cho rằng, theo hồ sơ HTX cung cấp, ông T là xã viên HTX, được nhận khoán phần đất trên, trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 1997, có xác nhận của UBND xã V nên chi trả cho ông T là đúng đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ (gọi tắt là Nghị định số 01/2017 của Chính phủ); Điều 3 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (gọi tắt là Thông tư 33/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) và điểm e khoản 3 Điều 4 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (gọi tắt là Thông tư số 09/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường). Công ty K thì cho rằng, Công ty đã ký hợp đồng kinh tế với Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S thực hiện các công việc cho Công ty, trong đó có việc đo đạc, kiểm

đếm tài sản bị thiệt hại và chi trả tiền hỗ trợ, nếu hỗ trợ sai đối tượng thì Trung tâm phải chịu trách nhiệm. Ông T thì cho rằng, ông không có mượn đất của bà Th, phần đất trên ông được HTX khoán, gia đình canh tác, ở ổn định từ năm 1997 đến năm 2021 thì giao trả cho Nhà nước để thực hiện dự án của Công ty K.

[9] Theo Bản án số 49 của TAND tỉnh Sóc Trăng xác định mọi quyền lợi phát sinh từ Hợp đồng số 34/HTX/96 ngày 01/12/1995 thuộc về bà Th. Tuy nhiên, theo Phương án hỗ trợ của hộ gia đình - cá nhân dự án nuôi tôm sạch, vi sinh, nhiều giai đoạn, công nghệ cao sản xuất tại V, Sóc Trăng thì đối với số tiền 3.038.814.000 đồng là hỗ trợ, đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất. Tại thời điểm kiểm kê tài sản bị thiệt hại khi thu hồi đất thực hiện dự án, hộ gia đình ông T đang trực tiếp quản lý, sử dụng, có tài sản trên đất, ông T có tên trong danh sách thành viên HTX sản xuất, dịch vụ muối, tôm, artemia V, góp vốn theo Điều lệ HTX, được UBND xã V xác nhận HTX giao khoán canh tác từ năm 1997 đến nay; những người hiểu biết về nguồn gốc, quá trình sử dụng như ông Ngô Hoàng H (nguyên Trưởng ban kiểm soát HTX), ông Phan Tấn Ph (nguyên Phó Chủ tịch UBND huyện V) và các ông Quách C, Lý L, Kim Ph1, Nguyễn Hữu Tr, Sơn Minh Q1, Nguyễn Trường Tr1 (thường trú ở ấp N) đều xác nhận ông T trực tiếp canh tác từ năm 1997 đến thời điểm đo đạc, kiểm đếm giao lại đất thực hiện dự án, bà Th không có canh tác trên phần đất này; còn bà Th cũng được ông Huỳnh L1, ông Trần Ít T1 (nguyên Chủ nhiệm HTX) xác nhận là xã viên HTX từ năm 1995 đến nay nhưng trong danh sách xã viên HTX không có tên bà, cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bà là người đầu tư, cải tạo, quản lý, sử dụng diện tích đất 50.646,9m² từ năm 1995 đến năm 2000 rồi cho ông T mượn canh tác; đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm bà thừa nhận, năm 1995 bà là cán bộ công tác ở cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh S, sau đó là Sở Văn hóa và Thông tin tỉnh S, đến năm 2014 về nghỉ hưu và hiện nay đang hưởng lương hưu.

[10] Theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017 của Chính phủ thì: *“1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 của Nghị định này khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau đây: a) Hỗ trợ bằng tiền không quá 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định tại Điều 129 của Luật đất đai; b) Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ điều kiện thực tế của địa phương”*. Khoản 2 Điều 2 Nghị định này còn quy định: *“Khi thực hiện thủ tục giao đất, đăng ký nhận*

chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) có trách nhiệm xác nhận hộ gia đình, cá nhân có thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp theo quy định sau đây: 1. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp. 2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất không cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp sau khi có văn bản xác nhận về việc sử dụng đất nông nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất”.

[11] Điều 3 Thông tư 33/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định: “1. Việc xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được thực hiện trong các trường hợp sau đây: a) Giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Điều 54 của Luật đất đai; b) Đăng ký nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa của hộ gia đình, cá nhân; c) Công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân; d) Thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân mà cần xác định đối tượng được bồi thường, hỗ trợ. 2. Các căn cứ để xác định cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: a) Đang sử dụng đất nông nghiệp do được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất; do nhận chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất; đang sử dụng đất nông nghiệp mà chưa được Nhà nước công nhận; b) Không thuộc đối tượng được hưởng lương thường xuyên; đối tượng đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp xã hội; c) Có nguồn thu nhập thường xuyên từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất đang sử dụng quy định tại Điểm a Khoản này, kể cả trường hợp không có thu nhập thường xuyên vì lý do thiên tai, thảm họa môi trường, hỏa hoạn, dịch bệnh; d) Trường hợp giao đất nông nghiệp cho cá nhân theo quy định tại Điều 54 của Luật đất đai, đăng ký nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa của cá nhân thì chỉ căn cứ quy định tại Điểm b Khoản này. 3. Căn cứ xác định hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp: a) Đang sử dụng đất nông nghiệp do được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất; do nhận chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất; đang sử dụng đất nông nghiệp mà chưa được Nhà nước công nhận; b) Có ít nhất một thành viên của hộ gia đình không thuộc đối tượng được hưởng lương thường xuyên; đối tượng đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp xã hội; c) Có nguồn thu nhập thường xuyên từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất đang sử dụng quy định tại Điểm a Khoản này, kể cả trường hợp không có thu nhập thường xuyên vì lý do thiên tai, thảm họa môi trường, hỏa hoạn, dịch bệnh; d) Trường hợp giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình theo quy định tại Điều 54 của Luật đất đai, đăng ký nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa của hộ gia đình thì chỉ căn cứ quy định tại Điểm b Khoản này. 4. Việc Ủy

ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp là một nội dung trong trình tự thực hiện các thủ tục quy định tại Khoản 1 Điều này và được thực hiện như sau: a) Đối với trường hợp thực hiện thủ tục quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị xác nhận đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của hộ gia đình, cá nhân; b) Đối với trường hợp thực hiện thủ tục quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 1 Điều này, Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị xác nhận đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của hộ gia đình, cá nhân; c) Đối với trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này, khi có Biên bản điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị xác nhận đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; d) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất không cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì cơ quan có trách nhiệm quy định tại các Điểm a, b và c Khoản này có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất đề nghị xác nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất có trách nhiệm gửi văn bản xác nhận cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của hộ gia đình, cá nhân đó”.

[12] Điều 4 Thông tư số 09/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định: “...3. Đất nông nghiệp được hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm:.....e) Đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng do nhận giao khoán đất của tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó”.

[13] Như vậy, có căn cứ xác định số tiền 3.038.814.000 đồng là tiền hỗ trợ, đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất, chứ không phải tiền hỗ trợ thu hồi đất. Theo các quy định nêu trên, bà Th không thuộc đối tượng được hỗ trợ, mà hộ gia đình ông T mới thuộc đối tượng hỗ trợ. Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S chỉ số tiền trên cho hộ gia đình ông T là đúng đối tượng hỗ trợ, còn tranh chấp giữa bà Th với HTX sản xuất và dịch vụ muối, tôm, artemia V đối với diện tích đất 50.646,9m² theo Hợp đồng hợp tác sử dụng đất chuyên dùng số 34/HTX/96 ngày 01/12/1995, nếu có quyền lợi phát sinh thì căn cứ vào nội dung thỏa thuận trong hợp đồng giữa hai bên để giải quyết.

[14] Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Th, buộc Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S trả cho bà số tiền 3.038.814.000 đồng hỗ trợ khi thu hồi diện tích 50.646,9m² đất chuyên dùng theo Hợp đồng hợp tác sử dụng đất chuyên dùng số 34/HTX, ngày 01/12/1995, tọa lạc ấp N, xã V, thị

xã V, tỉnh Sóc Trăng là chưa phù hợp với các quy định của pháp luật nêu trên. Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S là có căn cứ chấp nhận, còn yêu cầu cũng như đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th là không có căn cứ chấp nhận.

[15] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc yêu cầu Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S trả cho bà số tiền 3.038.814.000 đồng hỗ trợ khi thu hồi diện tích 50.646,9m² đất chuyên dùng theo Hợp đồng hợp tác sử dụng đất chuyên dùng số 34/HTX, ngày 01/12/1995, tọa lạc ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

[16] Về án phí dân sự sơ thẩm: Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (gọi tắt là Nghị quyết số 326) quy định: *“Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo thì đương sự kháng cáo liên quan đến phần bản án, quyết định phải sửa không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Tòa án cấp phúc thẩm phải xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết này”*. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại án phí dân sự sơ thẩm như sau: Theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị quyết này thì *“Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí sơ thẩm”* và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết này quy định các trường hợp miễn nộp tiền án phí, trong đó có đối tượng là người cao tuổi. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Th không được chấp nhận, bà là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí, bà có đơn xin miễn nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà.

[17] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[18] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bị kháng cáo nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326 thì Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S.

1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2024/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và tuyên lại cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 2, khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; điểm e khoản 3 Điều 4 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1. *Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thanh Th, về việc yêu cầu Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S và Công ty Cổ phần thực phẩm K có trách nhiệm liên đới trả cho bà tiền hỗ trợ khi thu hồi diện tích 50.646,9m² đất chuyên dùng của bà theo Hợp đồng hợp tác sử dụng đất chuyên dùng số 34/HTX ngày 01 tháng 12 năm 1995, tọa lạc ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, với số tiền 3.038.814.000 đồng (Ba tỷ không trăm ba mươi tám triệu tám trăm mười bốn nghìn đồng).*

1.2. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Bà Huỳnh Thanh Th được miễn.
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S và Công ty Cổ phần thực phẩm K không phải chịu.

2. *Về án phí dân sự phúc thẩm:*

Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh S không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001896 ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND Tp. Sóc Trăng;
- VKSND Tp. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS Tp. S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Lâm